

Số: /NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng 3 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản  
tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KHÓA XIX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến  
Luật Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của  
Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh  
tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của  
Chính phủ về việc ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy  
hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c  
khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Quyết định số 81/QĐ-BTNMT ngày 13 tháng 01 năm 2022 của  
Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả khoan định khu vực có  
khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ tỉnh Tuyên Quang;*

*Xét Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng  
khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Báo cáo  
thẩm tra số 30/BC-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2022 của Ban Kinh tế -  
Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng  
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Bổ sung vào Quy hoạch điều tra, đánh giá, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, có xét đến năm 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 97/2006/NQ-HĐND) đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy hoạch điều tra, đánh giá, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, có xét đến năm 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND) và các Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 16/NQ-HĐND), Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 61/NQ-HĐND), Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 76/NQ-HĐND) các nội dung sau:**

1. Bổ sung vào điểm 2.2: Quy hoạch thăm dò khoáng sản, điểm 2.3: Quy hoạch khai thác khoáng sản mục 2 Quy hoạch điều tra, đánh giá, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, có xét đến năm 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2006/NQ-HĐND đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1, biểu số 02, biểu số 05 Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND, khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 16/NQ-HĐND, khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 61/NQ-HĐND và khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 76/NQ-HĐND:

a) Một (01) khu vực mỏ chì kẽm mới điểm mỏ Năm Chá, thị trấn Lăng Can, huyện Lâm Bình vào nhóm khoáng sản ở khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố với diện tích 8,64 ha.

b) Tổng số mỏ khoáng sản ở khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố sau bổ sung theo điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này là 04 mỏ, diện tích 43,82 ha; Tổng số mỏ khoáng sản ở khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ sau bổ sung theo điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này là 24 mỏ với tổng diện tích 387,58 ha.

*(Chi tiết có Biểu số 02 và Biểu số 05 kèm theo)*

2. Bổ sung vào tiết c điểm 2.7 mục 2 Quy hoạch điều tra, đánh giá, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, có xét đến năm 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2006/NQ-HĐND đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1, Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND,

khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 16/NQ-HĐND; khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 61/NQ-HĐND; khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 76/NQ-HĐND: Một (01) khu vực khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ điểm mỏ chì kẽm Nậm Chá, thị trấn Lăng Can, huyện Lâm Bình với diện tích 8,64 ha.

Tổng số mỏ và diện tích trong quy hoạch sau bổ sung là 08 mỏ, tổng diện tích 166,44 ha.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 14 tháng 3 năm 2022./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công thương;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo Tuyên Quang;
- Trang Thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Kh).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Thị Minh Xuân**

**Khoáng sản ở khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ  
đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND tỉnh ngày tháng 3 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIX, kỳ họp chuyên đề)

TT	Loại khoáng sản	Giai đoạn 2017 - 2020		Giai đoạn 2021 - 2030		Ghi chú
		Số điểm mỏ	Diện tích (ha)	Số điểm mỏ	Diện tích (ha)	
<b>I</b>	<b>Huyện Hàm Yên</b>					
1	Quặng Sắt	-	-	1	21,3	Mỏ Làng Tề, xã Thái Hòa
<b>II</b>	<b>Huyện Sơn Dương</b>					
1	Quặng Sắt	1	3,13	-	-	Mỏ Liên Thắng, xã Quyết Thắng
<b>III</b>	<b>Huyện Yên Sơn</b>					
1	Cao lanh - fenspat	1	10,75	-	-	Mỏ thôn Hồ, thôn Cây Dừa, xã Nhữ Hán
<b>IV</b>	<b>Huyện Lâm Bình</b>					
1	Quặng chì - kẽm	-	-	1	8,64	Mỏ chì kẽm Nặm Chá, thị trấn Lăng Can, huyện Lâm Bình
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2</b>	<b>13,88</b>	<b>2</b>	<b>29,94</b>	

**Khoáng sản ở khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ - HĐND tỉnh ngày tháng 3 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIX, kỳ họp chuyên đề)

<b>TT</b>	<b>Loại khoáng sản</b>	<b>Số điểm mỏ</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Huyện Chiêm Hóa</b>			
1	Quặng Antimon	2	50,0	
2	Than	1	6,88	
3	Quặng Mangan	5	123,36	
<b>II</b>	<b>Huyện Hàm Yên</b>			
1	Quặng Sắt	6	73,44	
<b>III</b>	<b>Huyện Na Hang</b>			
1	Quặng chì - kẽm	1	9,8	
2	Quặng Barite	1	12,5	
<b>IV</b>	<b>Huyện Sơn Dương</b>			
1	Quặng Thiếc	1	20,0	
2	Quặng sắt	1	3,1	
3	Quặng Barite	1	17,69	
<b>V</b>	<b>Huyện Lâm Bình</b>			
1	Quặng Antimon	1	20,08	
2	Quặng chì - kẽm	1	8,64	
<b>VI</b>	<b>Huyện Yên Sơn</b>			
1	Quặng Sắt	2	31,34	
2	Caolanh - fenspat	1	10,75	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>24</b>	<b>387,58</b>	